TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ	*Tiên Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 52/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: bà Lương Thị H - sinh năm 1974.

Địa chỉ: thôn X, xã TL, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: ông Đặng Anh G - sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn X, xã TL, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng X.

Địa chỉ: phố LĐ, phường HL, quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Khánh T – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X huyện T - Chi nhánh tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: phố QT, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

(Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS, ngày 25/11/2016).

- Ngân hàng Y.

Địa chỉ: phố LH, phường T, quận B, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đức T – chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Y - Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: phố HB, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

(Văn bản ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Lương Thị H và ông Đặng Anh G.

2. Công nhận sự thoả thuận của bà Lương Thị H và ông Đặng Anh G cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Lương Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Đặng Mai C – sinh ngày 24/8/2003 và Đặng Minh K – sinh ngày 26/10/2007 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); ông Đặng Anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với bà H.

Ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung và nợ chung:

3.1. Bà Lương Thị H được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng thửa đất diện tích 67,5 m^2 tại địa chỉ thôn X, xã TL, huyện T, tỉnh Quảng Ninh (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 968579 do Ủy ban nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh ngày 18 tháng 12 năm 2002).

3.2. Bà Lương Thị H được tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng khoản vay theo chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, giải ngân ngày 14/6/2012 và khoản vay theo chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường, giải ngân ngày 14/10/2014 đã ký kết với Ngân hàng X huyện T – Chi nhánh ngân hàng X tỉnh Quảng Ninh.

3.3. Bà Lương Thị H được tiếp tục thực hiện Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD ký ngày 07/01/2016 giải ngân ngày 07/01/2016; Hợp đồng tín dụng số 8006-LAV-201700137 ký ngày 18/01/2017 và Hợp đồng vay thấu chi số 8006-LAV-201700624 ký ngày 11/4/2017 với Ngân hàng – Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Ninh.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 06/2016/HĐTC ký ngày 07/01/2016 để đảm bảo việc trả nợ cho Hợp đồng tín dụng số 06/2016/HĐTD ký ngày 07/01/2016.

3.4. Bà Lương Thị H phải thanh toán cho ông Đặng Anh G số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) là tiền chênh lệch khi chia tài sản

chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Chậm nhất đến hết ngày 07 tháng 3 năm 2018 phải thanh toán xong.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3.5. Ông Đặng Anh G không phải chịu trách nhiệm trả nợ các khoản vay Ngân hàng X huyện T và Ngân hàng Y Chi nhánh huyện T cùng bà Lương Thị H.

- Về án phí:

Bà Lương Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng); hoàn trả lại cho bà H số tiền 150.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0008146 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Bà Lương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn; hoàn trả lại cho bà H số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008013 ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- UBND thị trấn Tiên Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, quyết định.

Bùi Đức Tuấn